TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC SƠN** TỈNH LẠNG SƠN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-ST
Ngày 30-3-2022
V/v xin ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét sử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Đức
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Dương Văn Đắc
Ông Hoàng Văn Đạo

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về vụ xin ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 3 năm 2022; thông báo số 03/TB-TA ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc thay đổi ngày xét xử và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/3/2022; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thu H, sinh năm 1997.
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.
Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.
2. Bị đơn: Anh Dương Anh T, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Dương Thu H trình bày:

Chị Dương Thu H và anh Dương Anh T được tự do tìm hiểu, và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán; ngày 07/12/2015, chị Dương Thu H và anh Dương Anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là xã Q), huyện B, tỉnh Lạng Sơn; giấy chứng nhận kết hôn số 12/2015, quyển số 01/2012. Sau khi kết hôn chị Dương Thu H và anh Dương Anh T chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có cùng quan điểm sống; vợ, chồng thường

xuyên đánh cãi nhau; theo như chị Dương Thu H trình bày thì anh Dương Anh T không tu chí làm ăn dẫn đến vợ chồng không nói được với nhau và không còn tình cảm. Tháng 4 năm 2021 chị Dương Thu H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Khi đi Dương Thu H không mang con chung đi cùng. Nay chị Dương Thu H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Dương Thu H đề nghị được ly hôn với anh Dương Anh T.

Về con chung: Chị Dương Thu H và anh Dương Anh T có một người con chung là cháu Dương Duy A, sinh ngày 14/9/2015; sau khi ly hôn chị Dương Thu H không có nguyện vọng nuôi con, nhường quyền nuôi con cho anh Dương Anh T và chị cấp dưỡng 800.000 đồng/1 tháng cho anh Dương Anh T để nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Dương Anh T vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tống đạt giấy triệu tập theo quy định của pháp luật. Nhưng anh Dương Anh T không hợp tác và không đến Tòa để giải quyết vụ ly hôn. Tòa án đã thực hiện các biện pháp tống đạt theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Dương Anh T vẫn không có mặt, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Anh Dương Anh T vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần hai không có lý do, mặc dù đã được tòa án tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Dương Anh T là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thu H và anh Dương Anh T là hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đăng ký kết hôn số 12/2015, quyển sổ 01/2012 ngày 07/12/2015, tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là xã Q), huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nguyên đơn chị Dương Thu H trình bày vợ, chồng đã mâu thuẫn thường xuyên đánh, cãi nhau, không còn quan tâm đến nhau. Anh Dương Anh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến của mình về việc chị Dương Thu H xin ly hôn với anh Dương Anh T. Như vậy anh Dương Anh T đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình khi giải quyết vụ án. Tòa án đã lấy lời khai người làm chứng và xác minh với Ban công an xã Đ, huyện B về quá trình chung sống của anh Dương Anh T tại địa phương. Qua xác minh được ông Dương Doãn Huy là Trưởng thôn L, xã Đ cho biết anh Dương Anh T vẫn thường xuyên cư trú tại địa phương và có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã Đ,

huyện B; về tình cảm vợ, chồng thì ông Huy không biết vợ, chồng mâu thuẫn ở mức độ nào, nhưng ông Huy thấy chị Dương Thu H đã bỏ nhà chồng đi làm ăn thỉnh thoảng mới về thăm con; hiện nay chị Dương Thu H không về địa phương nữa.

[4] Xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Dương Thu H và anh Dương Anh T: Thấy rằng anh Dương Anh T không đến Tòa án trong quá trình giải quyết ly hôn và cũng không có ý kiến về việc chị Dương Thu H có đơn xin ly hôn với anh Dương Anh T. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị Dương Thu H và anh Dương Anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Dương Thu H yêu cầu ly hôn với anh Dương Anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Dương Thu H là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Dương Thu H không có nguyện vọng nuôi con chung; nhường quyền nuôi con cho anh Dương Anh T với lý do chị không có chỗ ở phải về nhà bố mẹ, đẻ ở nhờ và cháu Dương Duy A đang ở với anh Dương Anh T ổn định. Chị Dương Thu H tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 800.000 đồng cho anh Dương Anh T để nuôi con chung đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Cháu Dương Duy A sinh ngày 14/9/2015 chưa từ đủ 07 tuổi tòa án không thực hiện lấy lời khai của cháu theo quy định. Anh Dương Anh T là bố của cháu Dương Duy A không có mặt tại tòa và không có ý kiến gì về quyền nuôi con. Qua xác minh bà Dương Thị T1 là mẹ đẻ của anh Dương Anh T cho biết về việc ly hôn giữa chị Dương Thu H và anh Dương Anh T bà không có ý kiến gì. Bà Dương Thị T1 cho biết cháu Dương Duy A hiện đang ở cùng với bà (Dương Thị T1) và bố đẻ cháu là anh Dương Anh T. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp về mọi mặt cho trẻ em, Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của chị Dương Thu H; giao cháu Dương Duy A cho anh Dương Anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi; vì cháu đang ở với anh Dương Anh T ổn định. Về cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử thấy rằng việc tự nguyện cấp dưỡng 800.000 đồng của chị Dương Thu H cho anh Dương Anh T để nuôi con là phù hợp với điều kiện thu nhập tại vùng nông thôn miền núi. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[6] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị Dương Thu H trình bày là không có. Anh Dương Anh T vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 và án phí cấp dưỡng nuôi con quy định tại a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn về quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng quy định khi được Tòa án triệu tập; bị đơn không chấp hành quy định khi được tòa án triệu tập đến Tòa án để giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thu H với anh Dương Anh T; đề nghị giao con chung cho Dương Anh T nuôi dưỡng, chăm

sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị Dương Thu H cho anh Dương Anh T là 800.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu Dương Duy A đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Nguyên đơn chị Dương Thu H phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[9] Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 116; Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thu H được ly hôn với anh Dương Anh T.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Duy A, sinh ngày 14/9/2015, cho anh Dương Anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị Dương Thu H cho anh Dương Anh T là 800.000 đồng/1 tháng tính từ tháng 3/2022 cho đến khi cháu Dương Duy A trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Dương Thu H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Dương Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung để sung vào công quỹ Nhà nước. Tổng cộng chị Dương Thu H phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo biên lai thu số AA/2021/0002649 ngày 16/11/2021; chị Dương Thu H còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn. Tòa báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn vắng mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn; tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THA huyện Bắc Sơn; tỉnh Lạng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn;
- UBND xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Mạnh Đức